

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HS-ST
Ngày: 15-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châm Thị Vân Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thanh Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Nhữ Như Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2021/TLST-HS ngày 16/8/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HS ngày 31/8/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Văn H**; giới tính: Nam; sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: xóm C, xã N, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Sán Dìu; tôn giáo: không; con ông Nông Văn Q (đã chết) và bà Lê Thị B; Vợ: Tống Thị H1, vợ chồng có 01 con chung sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 64/2010/HSPT ngày 28/4/2010, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 22 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”

+ Ngày 06/6/2014, bị Công an huyện Đồng Hỷ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000đ về hành vi “Đánh nhau”

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đồng Hỷ; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đào Anh T – Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

- Bị hại: Bà Tống Thị H2, sinh năm 1952 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Tống Thị H1, sinh năm 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: xóm C, xã N, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: xóm C, xã N, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 14/4/2021, Nông Văn H một mình điều khiển xe mô tô Honda Wave α màu trắng BKS 20B2-206.13 trên đường Quốc lộ 17. Khi đi đến đoạn thuộc xóm G, xã N, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, thì gặp bà Tống Thị H2 (Sinh năm: 1952, trú tại: Xóm Đ, xã N, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên) điều khiển xe đạp điện đi phía trước cùng chiều, bà H2 có đeo đôi khuyên tai bằng vàng, trọng lượng mỗi chiếc là 1 chỉ. Khi đi đến cách bà H2 khoảng 20m, H nhìn thấy bên tai phải của bà H2 có đeo 01 chiếc khuyên tai hình tròn màu vàng nên H nảy sinh ý định giật chiếc khuyên tai của bà H2. H điều khiển xe mô tô áp sát phía bên phải bà H2, rồi dùng tay trái giật khuyên tai phía tai bên phải của bà H2, nhưng không được. H tiếp tục giật lần thứ hai thì H cắm vào được bông tai để giật nhưng do trơn nên chiếc khuyên tai bị rơi xuống đường. Bà H2 thấy vậy tri hô nên H tăng ga xe bỏ chạy về nhà ở xóm C, xã N, huyện Đồng Hỷ.

Sau khi sự việc xảy ra bà Tống Thị H2 có đơn trình báo tới cơ quan Công an đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc khuyên tai bên phải mà Nông Văn H giật của bà Tống Thị H2, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Hỷ đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá số 16/ĐGTSHS ngày 27/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đồng Hỷ kết luận: 01 chiếc khuyên tai bằng vàng (99,9%), trọng lượng 01 chỉ, loại khuyên tai vàng tròn tàu phay, tại thời điểm ngày 14/4/2021 trên địa bàn huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có giá là 4.860.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nông Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Vật chứng của vụ án: - 01 áo sơ mi nhãn hiệu MATELOTXL, dài tay, màu xám tro, có nhiều họa tiết hoa văn, có cúc bấm màu đen, không có túi, áo đã qua sử dụng.

- 01 đôi giày màu đen, kiểu giày lười, đã qua sử dụng.

- 01 khẩu trang, loại khẩu trang vải, mặt trong màu hồng, mặt ngoài kẻ caro tối màu, dây đeo màu trắng đục, đã qua sử dụng.

- 01 quần dài nam loại quần bò màu xanh, phía trước của quần có nhiều vết xước, không rõ nhãn hiệu, quần đã qua sử dụng.

Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE mang biển kiểm soát: 20B2-206.13 Quá trình điều tra làm rõ chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE mang biển kiểm soát: 20B2- 206.13 là của chị Tống Thị H1. Việc H sử dụng chiếc xe trên đi cướp giật tài sản chị H1 không biết và không liên quan gì nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Hỷ đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị H1 quản lý và sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường cho bị hại là bà Tống Thị H2 số tiền 5.500.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKSDH, ngày 12/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ truy tố Nông Văn H về tội “Cướp giật tài sản “ theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn H khai nhận rõ hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả. Bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

Tại phiên tòa bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, giữ nguyên lời khai như tại cơ quan điều tra, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại phiên tòa, trong phần luận tội Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ giữ nguyên bản Cáo trạng số 50/CT-VKSDH, ngày 12/8/2021, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn H phạm tội "Cướp giật tài sản":

- Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt Nông Văn H từ 03 đến 04 năm tù; miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự: không xem xét; về vật chứng vụ án: các vật chứng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy; bị cáo phải chịu án phí, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Trong phần tranh luận bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa của bị cáo trình bày: Thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật truy tố bị cáo ;Thống nhất với việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật, các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, đề nghị cho bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Trong lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, xin lỗi bị hại về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, Kiểm sát viên tiến hành tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 14/4/2021, tại đoạn đường Quốc lộ 17 thuộc xóm G, xã N, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, Nông Văn H đã điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu trắng BKS 20B2-206.13 giật 01 chiếc khuyên tai bằng vàng, có giá trị 4.860.000 đồng (bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) của bà Tống Thị H2. Bị cáo dùng xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, dẫn đến khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại và của người khác, là thủ đoạn nguy hiểm, đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản, định khung tăng nặng theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật quy định như sau:

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

..."

Bản Cáo trạng số 50/CT-VKSĐH, ngày 12/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ truy tố Nông Văn H về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ Luật hình sự là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có sức khỏe và đủ năng lực nhận thức nhưng do lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã phạm tội, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: bị cáo H không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình để bồi thường cho người bị hại, người bị hại có đơn và tại phiên tòa xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị

cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ tội phạm do bị cáo thực hiện, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh lời khai tại phiên tòa bị cáo không có tài sản, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Các vật chứng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Các vấn đề khác: Trong vụ án này còn có chị Tổng Thị H1 khi cho H mượn xe mô tô B BKS 20B2-206.13 nhưng không biết mục đích của H sử dụng để đi cướp giật tài sản, nên cơ quan điều tra không xử lý đối với chị H1 là phù hợp.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa thấy phù hợp, cần chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/*Về Hình phạt chính:* Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”

Xử phạt Nông Văn H 03 (Ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/4/2021.

2/*Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3/*Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự:* Quyết định tạm giam bị cáo Nông Văn H 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án;

4/*Về trách nhiệm dân sự:* Không xem xét.

5/*Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: - 01 áo sơ mi nhãn hiệu MATELOTXL, dài tay, màu xám tro, có nhiều họa tiết hoa văn, có cúc bấm màu đen, không có túi, áo đã qua sử dụng.

- 01 đôi giày màu đen, kiểu giày lười, đã qua sử dụng.

- 01 khẩu trang, loại khẩu trang vải, mặt trong màu hồng, mặt ngoài kẻ caro tối màu, dây đeo màu trắng đục, đã qua sử dụng.

- 01 quần dài nam loại quần bò màu xanh, phía trước của quần có nhiều vết xước, không rõ nhãn hiệu, quần đã qua sử dụng

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/8/2021 giữa Công an huyện Đồng Hỷ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ)

6/*Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí. Buộc bị cáo Nông Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

7/*Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- THADS huyện Đồng Hỷ;
- THA phạt tù;
- Bị cáo, Bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châm Thị Vân Khánh

Bị hại là chị Huế và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

